ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 17/12/2014 **Tiết:** 2-4
Phòng: 301C4 **Tỷ lệ:** ~~50%~~ 100%
Mã MH: 209024 **Số TC:** 2.0
Nhóm-tổ: A01-A

MÔN HỌC: Phương pháp P/tử hữu hạn
CBGD: Nguyễn Thanh Trương - 002580

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	21100015	Nguyễn Lê Trường	An			8	Tám	
2	21100144	Trần Lê Xuân	Anh			6,5	Sáu rưỡi	
3	G1100219	Lê Công	Bảo			5,5	Năm rưỡi	
4	21200363	Nguyễn Đức	Chính			8	Tám	
5	21100509	Huỳnh Văn	Dậu			5,5	Năm rưỡi	
6	21200641	Lê Tâm	Dương			6,5	Sáu rưỡi	
7	21104474	Lê Công	Đoàn			6,5	Sáu rưỡi	
8	21101027	Nguyễn Ngọc	Hạnh			7	Bảy	
9	21201106	Nguyễn Trung	Hiếu			7	Bảy	
10	21001129	Phạm Huy	Hoàng			5,5	Năm rưỡi	
11	21201443	Đào Mạnh	Hùng			8,5	Tám rưỡi	
12	21101325	Đào Ngọc	Huy			5	Năm	
13	21101326	Đặng Văn	Huy			5,5	Năm rưỡi	
14	21101409	Nguyễn Văn	Huỳnh			6,5	Sáu rưỡi	
15	21101556	Nguyễn Phan Trường	Khang			6,5	Sáu rưỡi	
16	21101862	Trình Thị Thùy	Linh			6,5	Sáu rưỡi	
17	21101864	Trương Thị Mỹ	Linh			8	Tám	
18	21001774	Nguyễn Văn	Long			13	Mười ba	Vắng
19	21102032	Lê Văn	Mẫn			8	Tám	
20	21102134	Ngô Văn	Nam			6	Sáu	
21	21102208	Bùi Thành Đại	Nghĩa			13	Mười ba	Vắng
22	21102225	Nguyễn Quang	Nghĩa			6,5	Sáu rưỡi	
23	21102273	Nguyễn Văn	Ngọc			6	Sáu	
24	21102508	Nguyễn Thanh	Phát			8	Tám	
25	G1102525	Tăng Sang Nguyên	Phi			7,5	Bảy rưỡi	
26	21102589	Biện Hà Gia	Phúc			7	Bảy	
27	G1002605	Võ Thành	Quang			5,5	Năm rưỡi	
28	21102978	Dương Tấn	Tài			8	Tám	
29	21103092	Tất Quốc	Tân			13	Mười ba	Vắng
30	21103320	Dương Ngọc	Thân			8,5	Tám rưỡi	
31	21103337	Nguyễn Đình Trường	Thi			9	Chín	
32	21103352	Trần Minh	Thiên			9,5	Chín rưỡi	
33	21103764	Lê Minh	Triết			6	Sáu	
34	21103838	Lê Minh	Trọng			6,5	Sáu rưỡi	
35	21103861	Lê Quang	Trung			7,5	Bảy rưỡi	
36	G1003933	Lê Đinh Hoài	Văn			6	Sáu	
37	21104241	Nguyễn Lê Phú	Vinh			7,5	Bảy rưỡi	
38	20903343	Lê Hoàng	Vũ			13	Mười ba	Vắng
39	21104312	Nguyễn Quang	Vũ			6,5	Sáu rưỡi	
40	21004131	Trần Quốc	Vương			6	Sáu	

Danh sách này có 40 sinh viên. In ngày 12/11/2014. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày 31/12/2014.

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tuy

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

TS. Nguyễn Thanh Trương

Ngày nộp: 06/01/15

<CK - 184/327>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 17/12/2014 **Tiết:** 2-4
Phòng: 304C4 **Tỷ lệ:** ~~50%~~ 100
Mã MH: 209024 **Số TC:** 2.0
Nhóm-tổ: A01-B

MÔN HỌC: Phương pháp P/tử hữu hạn
CBGD: Nguyễn Thanh Trương - 002580

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	G1200073	Nguyễn Hoàng	Anh			8	Tám	
2	21100174	Đặng Thiện	Ân			7	Bảy	
3	21200273	Trần Quốc	Bình			7	Bảy	
4	21100335	Võ Minh	Cang			7	Bảy	
5	G1200361	Lê Đức	Chính			7,5	Bảy rưỡi	
6	21200440	Nguyễn Quốc	Cường			6,5	Sáu rưỡi	
7	21200452	Phạm Cao	Cường			8,5	Tám rưỡi	
8	21100527	Nguyễn Tấn	Doanh			7	Bảy	
9	21100654	Bạch Trùng	Dương			6,5	Sáu rưỡi	
10	G1000759	Phạm Minh	Đức			6	Sáu	
11	21200938	Bùi Thanh	Hải			7	Bảy	
12	21100957	Dương Tuấn	Hải			7,5	Bảy rưỡi	
13	21100982	Nguyễn Nam	Hải			7	Bảy	
14	21101289	Phan Quốc	Hòa			6,5	Sáu rưỡi	
15	31201225	Nguyễn Thế	Hoàng			6,5	Sáu rưỡi	
16	21201448	Lê Văn	Hùng			6	Sáu	
17	21001207	Đỗ Quang	Huy			6	Sáu	
18	21201494	Lê	Hưng			6	Sáu	
19	21101551	Nguyễn Duy	Khang			13	Mười ba	Vắng
20	G1201635	Nguyễn Đinh Minh	Khánh			5,5	Năm rưỡi	
21	21101716	Huỳnh Tuấn	Kiệt			5,5	Năm rưỡi	
22	21001712	Lê Vũ	Linh			6	Sáu	
23	21102024	Phạm Công	Mạnh			7	Bảy	
24	21102089	Thái Hoàng	Minh			6,5	Sáu rưỡi	
25	21202452	Nguyễn Khánh	Nguyên			7	Bảy	
26	21102333	Nguyễn Kỳ	Nguyện			7	Bảy	
27	21002294	Phạm Minh	Nhiên			13	Mười ba	Vắng
28	31102437	Đỗ Thiện Tâm	Nhơn			13	Mười ba	Vắng
29	21202705	Nguyễn Đình	Phi			6,5	Sáu rưỡi	
30	21102553	Phạm Văn	Phong			7	Bảy	
31	21002417	Huỳnh	Phú			7	Bảy	
32	21102901	Lê Văn	Sĩ			7	Bảy	
33	G1203702	Nguyễn Quang	Thuận			5,5	Năm rưỡi	
34	21203847	Võ Văn	Tiến			6	Sáu	
35	21103889	Phạm Quang	Trung			6,5	Sáu rưỡi	
36	21103899	Trần Đình	Trung			6,5	Sáu rưỡi	
37	21103906	Uông Sỹ	Trung			6,5	Sáu rưỡi	
38	G1204508	Tạ Ngọc	Việt			6	Sáu	
39	21104290	Kiều Tuấn	Vũ			6	Sáu	
40	21104405	Giản Hồng	Yến			7,5	Bảy rưỡi	

*Danh sách này có **40** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **31/12/2014**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tung

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

TS. Nguyễn Thanh Trương

Ngày nộp: 06/01/15

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 17/12/2014 Tiết: 2-4
Phòng: 304C4 Tỷ lệ: ~~50%~~ 10
Mã MH: 209024 Số TC: 2.0
Nhóm-tổ: A01-C

MÔN HỌC: Phương pháp P/tử hữu hạn
CBGD: Nguyễn Thanh Trương - 002580

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	G1100409	Nguyễn Đức	Chước			13	Mười ba	Vắng
2	G0900356	Hoàng Xuân	Diệu			13	Mười ba	Vắng
3	21000667	Ngô Trần Khánh	Đăng			8	Tám	
4	21200777	Trần Xuân	Điền			6	Sáu	
5	21200876	Nguyễn Long Trường	Giang			6	Sáu	
6	21201274	Trương Đức	Hòa			7	Bảy	
7	G1001313	Lê Ngọc	Hùng			7,5	Bảy rưỡi	
8	G1201511	Phan Ngọc	Hưng			7,5	Bảy rưỡi	
9	G1001761	Nguyễn Hải	Long			13	Mười ba	Vắng
10	21201997	Đào Xuân	Lộc			6,5	Sáu rưỡi	
11	30901672	Lê Huỳnh	Ngân			13	Mười ba	Vắng
12	20801455	Trần Trọng	Nhân			3	Ba	
13	20902256	Lê Văn	Sĩ			1,5	Một rưỡi	

Danh sách này có 13 sinh viên. In ngày 12/11/2014. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày 31/12/2014.

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tung

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

TS. Nguyễn Thanh Trương

Ngày nộp: 06/01/15

<CK - 186/327>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Tỷ lệ: 100 %

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

MÔN HỌC : **Phương pháp phần tử hữu hạn**

CBGD: **Nguyễn Thanh Trương - 00.2580**

Mã MH: 209024 **Số TC: 2.0**

Nhóm - tổ: A01-A

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (50 %)	Thí nghiệm	Kiểm tra	BTL/TL	Thi (50 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	21100015	Nguyễn Lê Trường	An	9				6.5	8	Tám	
2	21100144	Trần Lê Xuân	Anh	7.5				5.5	6.5	Sáu rưỡi	
3	G1100219	Lê Công	Bảo	8				3	5.5	Năm rưỡi	
4	21200363	Nguyễn Đức	Chính	10				5.5	8	Tám	
5	21100509	Huỳnh Văn	Dậu	7				4	5.5	Năm rưỡi	
6	21200641	Lê Tâm	Dương	8				5	6.5	Sáu rưỡi	
7	21104474	Lê Công	Đoàn	8				5	6.5	Sáu rưỡi	
8	21101027	Nguyễn Ngọc	Hạnh	7				6.5	7	Bảy	
9	21201106	Nguyễn Trung	Hiếu	9				5	7	Bảy	
10	21001129	Phạm Huy	Hoàng	8				3	5.5	Năm rưỡi	
11	21201443	Đào Mạnh	Hùng	7.5				9	8.5	Tám rưỡi	
12	21101325	Đào Ngọc	Huy	6				4	5	Năm	
13	21101326	Đặng Văn	Huy	7				3.5	5.5	Năm rưỡi	
14	21101409	Nguyễn Văn	Huỳnh	8				4.5	6.5	Sáu rưỡi	
15	21101556	Nguyễn Phan Trường	Khang	7.5				5.5	6.5	Sáu rưỡi	
16	21101862	Trình Thị Thùy	Linh	8				5	6.5	Sáu rưỡi	
17	21101864	Trương Thị Mỹ	Linh	7				9	8	Tám	
18	21001774	Nguyễn Văn	Long					13	13	Mười ba	
19	21102032	Lê Văn	Mẫn	7				9	8	Tám	
20	21102134	Ngô Văn	Nam	9				3	6	Sáu	
21	21102208	Bùi Thành Đại	Nghĩa	7				13	13	Mười ba	

22	21102225	Nguyễn Quang	Nghĩa	7				6	6.5	Sáu rưỡi	
23	21102273	Nguyễn Văn	Ngọc	7.5				4.5	6	Sáu	
24	21102508	Nguyễn Thanh	Phát	8.5				7	8	Tám	
25	G1102525	Tăng Sang Nguyên	Phi	7				7.5	7.5	Bảy rưỡi	
26	21102589	Biện Hà Gia	Phúc	9				4.5	7	Bảy	
27	G1002605	Võ Thành	Quang	8				3	5.5	Năm rưỡi	
28	21102978	Dương Tấn	Tài	9				7	8	Tám	
29	21103092	Tất Quốc	Tân	7				13	13	Mười ba	
30	21103320	Dương Ngọc	Thân	8.5				8	8.5	Tám rưỡi	
31	21103337	Nguyễn Đình Trường	Thi	10				7.5	9	Chín	
32	21103352	Trần Minh	Thiên	10				8.5	9.5	Chín rưỡi	
33	21103764	Lê Minh	Triết	8				4	6	Sáu	
34	21103838	Lê Minh	Trọng	7.5				5	6.5	Sáu rưỡi	
35	21103861	Lê Quang	Trung	10				4.5	7.5	Bảy rưỡi	
36	G1003933	Lê Đinh Hoài	Văn	8.5				3	6	Sáu	
37	21104241	Nguyễn Lê Phú	Vinh	10				5	7.5	Bảy rưỡi	
38	20903343	Lê Hoàng	Vũ					13	13	Mười ba	
39	21104312	Nguyễn Quang	Vũ	9				4	6.5	Sáu rưỡi	
40	21004131	Trần Quốc	Vương	7				5	6	Sáu	

CB chấm thi

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 31/12/2014

TS. Nguyễn Thanh Trương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Tỷ lệ:100 %

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

MÔN HỌC : **Phương pháp phần tử hữu hạn**

CBGD: **Nguyễn Thanh Trương - 00.2580**

Mã MH: 209024 **Số TC: 2.0**

Nhóm - tổ: A01-B

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (50 %)	Thí nghiệm	Kiểm tra	BTL/TL	Thi (50 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	G1200073	Nguyễn Hoàng	Anh	9				6.5	8	Tám	
2	21100174	Đặng Thiện	Ân	7				6.5	7	Bảy	
3	21200273	Trần Quốc	Bình	8				6	7	Bảy	
4	21100335	Võ Minh	Cang	8.5				5	7	Bảy	
5	G1200361	Lê Đức	Chính	9				6	7.5	Bảy rưỡi	
6	21200440	Nguyễn Quốc	Cường	8				5	6.5	Sáu rưỡi	
7	21200452	Phạm Cao	Cường	10				7	8.5	Tám rưỡi	
8	21100527	Nguyễn Tấn	Doanh	9				4.5	7	Bảy	
9	21100654	Bạch Trùng	Dương	9				3.5	6.5	Sáu rưỡi	
10	G1000759	Phạm Minh	Đức	9				3	6	Sáu	
11	21200938	Bùi Thanh	Hải	8				6	7	Bảy	
12	21100957	Dương Tuấn	Hải	9				6	7.5	Bảy rưỡi	
13	21100982	Nguyễn Nam	Hải	9				5	7	Bảy	
14	21101289	Phan Quốc	Hòa	8				5	6.5	Sáu rưỡi	
15	31201225	Nguyễn Thế	Hoàng	7				6	6.5	Sáu rưỡi	
16	21201448	Lê Văn	Hùng	8.5				3	6	Sáu	
17	21001207	Đỗ Quang	Huy	9				3	6	Sáu	
18	21201494	Lê	Hưng	8.5				3	6	Sáu	
19	21101551	Nguyễn Duy	Khang					13	13	Mười ba	
20	G1201635	Nguyễn Đinh Minh	Khánh	8				3	5.5	Năm rưỡi	
21	21101716	Huỳnh Tuấn	Kiệt	7				4	5.5	Năm rưỡi	

22	21001712	Lê Vũ	Linh	8				4	6	Sáu	
23	21102024	Phạm Công	Mạnh	8				5.5	7	Bảy	
24	21102089	Thái Hoàng	Minh	9				4	6.5	Sáu rưỡi	
25	21202452	Nguyễn Khánh	Nguyên	8				5.5	7	Bảy	
26	21102333	Nguyễn Kỳ	Nguyện	7.5				6	7	Bảy	
27	21002294	Phạm Minh	Nhiên	4				13	13	Mười ba	
28	31102437	Đỗ Thiện Tâm	Nhơn	7				13	13	Mười ba	
29	21202705	Nguyễn Đình	Phi	8				4.5	6.5	Sáu rưỡi	
30	21102553	Phạm Văn	Phong	9				5	7	Bảy	
31	21002417	Huỳnh	Phú	9				5	7	Bảy	
32	21102901	Lê Văn	Sĩ	8				5.5	7	Bảy	
33	G1203702	Nguyễn Quang	Thuận	7.5				3.5	5.5	Năm rưỡi	
34	21203847	Võ Văn	Tiến	7				5	6	Sáu	
35	21103889	Phạm Quang	Trung	7				5.5	6.5	Sáu rưỡi	
36	21103899	Trần Đình	Trung	7				6	6.5	Sáu rưỡi	
37	21103906	Uông Sỹ	Trung	8				4.5	6.5	Sáu rưỡi	
38	G1204508	Tạ Ngọc	Việt	8				3.5	6	Sáu	
39	21104290	Kiều Tuấn	Vũ	7				5	6	Sáu	
40	21104405	Giản Hồng	Yến	8.5				6	7.5	Bảy rưỡi	

CB chấm thi

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 31/12/2014

TS. Nguyễn Thanh Trương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Tỷ lệ: 100 %

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

MÔN HỌC : **Phương pháp phần tử hữu hạn**

CBGD: **Nguyễn Thanh Trương - 00.2580**

Mã MH: 209024 **Số TC: 2.0**

Nhóm - tổ: A01-C

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (50 %)	Thí nghiệm	Kiểm tra	BTL/TL	Thi (50 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	G1100409	Nguyễn Đức	Chước					13	13	Mười ba	
2	G0900356	Hoàng Xuân	Diệu					13	13	Mười ba	
3	21000667	Ngô Trần Khánh	Đăng	9				6.5	8	Tám	
4	21200777	Trần Xuân	Điền	7				5	6	Sáu	
5	21200876	Nguyễn Long Trường	Giang	8				3.5	6	Sáu	
6	21201274	Trương Đức	Hòa	7.5				6	7	Bảy	
7	G1001313	Lê Ngọc	Hùng	8.5				6	7.5	Bảy rưỡi	
8	G1201511	Phan Ngọc	Hưng	9				6	7.5	Bảy rưỡi	
9	G1001761	Nguyễn Hải	Long					13	13	Mười ba	
10	21201997	Đào Xuân	Lộc	7.5				5.5	6.5	Sáu rưỡi	
11	30901672	Lê Huỳnh	Ngân					13	13	Mười ba	
12	20801455	Trần Trọng	Nhân					5.5	3	Ba	
13	20902256	Lê Văn	Sĩ					3	1.5	Một rưỡi	

CB chấm thi

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 31/12/2014

TS. Nguyễn Thanh Trương